

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-07-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đào Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Hà Công A, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/03/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: chị và anh Hà Công A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08/07/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống vì anh A không chịu khó tu trí làm ăn. Do không chịu đựng được nên tháng 8/2013, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Công A.

Về con chung: chị Lê Thị T khai, chị và anh Hà Công Anh có một con chung, cháu tên là Hà Công V, sinh ngày 26/04/2014, hiện nay cháu V đang ở với chị. Chị đề nghị giao cháu V cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Hà Công A đến Toà án để viết bản khai nhưng anh A đã không có mặt mà không có lý do, nên không có bản khai của anh A.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Công V, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Hà Công A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng không có mặt mà không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh A cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Lê Thị T khai, chị và anh Hà Công A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/07/2013. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H cấp đề ngày 08/07/2013, trong đó xác định anh Hà Công A là chồng chị Lê Thị T. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp. Theo chị T, quá trình chung sống đến tháng 8/2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm vì anh A không chịu khó tu trí làm ăn, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Theo kết quả xác minh ngày 04/05/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, chị T và anh A chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị T bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, nguyên nhân là do anh A và chị T có bất đồng quan điểm về lối sống, anh A không chịu tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Giữa chị T và anh A không còn qua lại, quan tâm nhau.

Như vậy, một thời gian dài chị T và anh A không chung sống và quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn anh A là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Lê Thị T khai, chị và anh Hà Công A có một con chung, cháu tên là Hà Công V, sinh ngày 26/04/2014. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao giấy khai sinh của cháu V, thể hiện cháu V là con chung của chị T và anh A. Mặt khác, cháu V sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu V là con chung của chị T và anh A. Hiện tại, cháu V đang ở với chị T. Để tránh sự xáo trộn về tâm sinh lý, học tập, nên giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Hà Công A.

2. Về con chung: công nhận cháu Hà Công V, sinh ngày 26/04/2014 là con chung của chị T và anh A. Giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009325 ngày 26/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Lê Thị T và anh Hà Công A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đào Văn Nam**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thân**

**Nguyễn Thị Chung**

**Đào Văn Nam**









